

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRI TÔN
TỈNH AN GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 56/2021/HNGĐ- ST

Ngày: 31-12-2021.

V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN – TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nữ Ngọc Lan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Chau Khôn Sốc

Ông Hồ Văn Dũng

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Soan

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:
Bà Néang Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2021/QĐXX-ST ngày 30 tháng 11 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 168/2021/QĐST-HNGĐ, ngày 15 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị P, sinh năm 1961; nơi cư trú: Tổ 3, ấp 4, xã Phương T, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (có đơn xin vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1954; nơi cư trú: Tổ 7, ấp N, xã L, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn ly hôn ngày 18-3-2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn bà Lê Thị P trình bày: Bà và ông Nguyễn Văn K qua quá trình tự tìm hiểu nhau nên bà cùng ông K đã tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 1984, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn bà và ông K sống hạnh phúc nhưng khoảng từ năm 1999, ông K không quan tâm đến vợ, con, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Từ những mâu thuẫn đó nên bà và ông Nguyễn Văn K đã sống ly thân kể từ năm 1999 cho đến nay. Nay nhận thấy bà không thể tiếp tục cuộc

sống vợ chồng cùng ông Nguyễn Văn K, bà xin ly hôn với ông Nguyễn Văn K

Về con chung: Có 03 con chung Nguyễn Văn P, sinh năm 1985 (không đăng ký khai sinh đã chết); Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; Nguyễn Minh D, sinh năm 1993. Hiện các con đã trưởng thành, sống tự lập được, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn K Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông K để tham gia tố tụng nhưng ông vắng mặt không rõ lý do, nên không tiếp nhận lời khai của ông K

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt

Bị đơn ông Nguyễn Văn K Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông K để tham gia tố tụng nhưng ông K vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Về việc chấp hành pháp luật: Dương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình tại Điều 70 BLTTDS. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đảm bảo Điều 227 và Điều 228 BLTTDS. Riêng bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải và phiên tòa, vi phạm Điều 73 BLTTDS.

- Về ý kiến việc giải quyết vụ án: Bà P và ông K sống chung như vợ chồng từ năm 1984, không đăng ký kết hôn, tuy nhiên quan hệ giữa ông K và bà P vẫn được công nhận là hôn nhân thực tế.

Căn cứ vào biên bản xác minh ngày 01/7/2021 cho biết: Ông Nguyễn Văn K sinh năm 1954 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 7, ấp Ninh Phước, xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, hiện nay ông K vẫn đang sinh sống tại địa phương, tình trạng hôn nhân của ông K và bà P thì ban ấp không biết, bà P đã bỏ đi không quay về từ lâu.

Ngoài ra từ năm 1997, bà P đã sống ly thân với ông K đến nay, bên cạnh đó, Tòa án cũng triệu tập hợp lệ nhưng ông K vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải. Điều này chứng tỏ ông K không thể hiện ý chí hàn gắn, không thể hòa giải và mục đích hôn nhân giữa ông K, bà P không đạt được. Do đó, xét thấy yêu cầu xin ly hôn của bà P đối với ông K là có cơ sở chấp nhận.

Có 03 con chung Nguyễn Văn P, sinh năm 1985 (không đăng ký khai sinh đã

chết); Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; Nguyễn Minh D, sinh năm 1993. Hiện các con đã trưởng thành, sống tự lập được, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Từ những nhận định trên căn cứ Điều 1 TTLT 01/2001, điểm a, khoản 3 Nghị quyết 35/2000, Điều 87, 89, 91 Luật hôn nhân và gia đình 2000, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phân tích, đánh giá về vụ án như sau:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Nguyễn Văn K cư trú tại tổ 7, ấp Ninh Phước, xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, quan hệ tranh chấp là quan hệ hôn nhân và gia đình là loại tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và theo quy định khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm, ông K vẫn vắng mặt không rõ lý do, bà Lê Thị P có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định xét xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Văn K và bà Lê Thị P.

[3] Về nội dung tranh chấp: Quan hệ hôn nhân giữa bà Lê Thị P và ông Nguyễn Văn K được xác lập trên cơ sở tự nguyện vào năm 1984, có tổ chức lễ cưới, nhưng đăng ký kết hôn. Tuy nhiên giữa ông và bà sau khi kết hôn, do phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân chính bà P cho rằng ông K không quan tâm chăm sóc gia đình, cuộc sống vợ chồng giữa bà và ông K không hạnh phúc, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Bà Lê Thị P và ông Nguyễn Văn K đã ly thân với nhau từ năm 1999 đến nay. Nay bà Lê Thị P xin ly hôn ông Nguyễn Văn K.

Quá trình tố tụng của Tòa án, cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Văn K, nhằm đảm bảo quyền lợi của ông K theo quy định của pháp luật để ông K được trình bày ý kiến, nhưng ông K vẫn vắng mặt và ông có có ý kiến gì đối với yêu cầu của bà P. Do vậy, Tòa án không thể ghi nhận ý kiến của ông K.

Tại biên bản xác minh ngày 01/7/2021 Công an xã Lương An Trà cho biết: Ông Nguyễn Văn K sinh năm 1954 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 7, ấp Ninh Phước, xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang, hiện nay ông K vẫn đang sinh sống tại địa phương

Tại biên bản xác minh ngày 01-7-2021 ban ấp Ninh Phước, xã Lương An Trà, huyện Tri Tôn, tỉnh An Giang xác định tình trạng hôn nhân giữa ông K và bà P ban ấp không biết, hiện nay bà P và ông K đã không còn chung sống với nhau, bà P đã bỏ đi từ lâu không quay về.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Hôn nhân của bà Lê Thị P và ông Nguyễn Văn K chung sống như vợ chồng từ năm 1984, không đăng ký kết hôn, tuy nhiên hôn nhân giữa bà P và ông K được công nhận là hôn nhân thực tế. Hôn nhân là nhằm giúp vợ chồng xây dựng gia đình no ấm, hạnh phúc, nhưng do vợ chồng không có tiếng nói chung trong việc giải quyết cuộc sống gia đình, tuy nhiên giữa bà P và ông K không hạnh phúc trong cuộc sống hôn nhân, bất đồng quan điểm sống, giữa bà P và ông K không giành thời gian quan tâm chăm sóc gia đình, chia sẻ, động viên nhau trong công việc cũng như trong cuộc sống gia đình, đã ly thân từ năm 1999 đến nay, nhưng từ khi ly thân đến nay hai bên cũng không gặp gỡ nhau nhằm hàn gắn lại tình cảm vợ chồng. Từ đó Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà P và ông K rơi vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị P về việc yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn K là phù hợp với quy định tại Điều 89 Luật hôn nhân và gia đình 2000.

[4] Về con chung: Có 03 con chung Nguyễn Văn P, sinh năm 1985 (không đăng ký khai sinh đã chết); Nguyễn Thị T, sinh năm 1986; Nguyễn Minh D, sinh năm 1993. Hiện các con đã trưởng thành, sống tự lập được, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do các đương sự không yêu cầu giải quyết về con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Lê Thị P là nguyên đơn trong vụ án hôn nhân và gia đình, bà P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 87, Điều 89, Điều 91 Luật hôn nhân và gia đình 2000;

Căn cứ Điều 14, Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình 2014;

Căn cứ Nghị Quyết 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ Thông tư liên tịch Số: 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 03 tháng 1 năm 2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp về việc hướng dẫn thi hành Nghị Quyết 35/2000/QH10, ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000;

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 266, Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị P.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị P được ly hôn với ông Nguyễn Văn K

Về con chung: Không xem xét giải quyết

Về tài sản chung, nợ chung: không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bà Lê Thị P phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà P đã nộp theo biên lai thu số 0007872 ngày 10 tháng 5 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- THADS huyện Tri Tôn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Nữ Ngọc Lan